

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/HS-ST**

Ngày: 12 - 01 - 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Huy Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Ngọc Tân và bà Phạm Thị Thúy Mùi.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2020/TLST – HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Đỗ Đình H,** sinh ngày 20/6/1961 tại thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Huyện Quý và bà Phạm Thị T (đã chết). Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có vợ Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 và có 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 8 năm 1980 nhập ngũ đến tháng 12 năm 1983 xuất ngũ. Quyết định xử phạt vi phạm Hành chính số 78/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2005, Công an huyện Q xử phạt số tiền 500.000 đồng về Hành vi “Đánh bạc”, thi hành xong quyết định ngày 18/03/2005; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33/QĐ-XPVPHC ngày 22/12/2010, Công an huyện Q xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về Hành vi “Đánh bạc”, thi hành xong quyết định tháng 12/2010. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2012, Công an huyện Q xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, thi hành xong quyết định ngày 20/6/2012.

Bị cáo H bị tạm giữ từ ngày 02/10/2020 đến ngày 08/10/2020 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại NH tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 13/01/1980 tại thôn Tr, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Tr, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp : Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Vũ Thị T. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có vợ Vương Thị H, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm Hành chính số: 175/QĐXPHC ngày 29/10/2017, Công an huyện Q xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, thi hành xong quyết định ngày 06/11/2017.

Bị cáo H1 bị tạm giữ từ ngày 02/10/2020 đến ngày 08/10/2020 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3. **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 27/7/1977 tại thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Đỗ Thị N. Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có vợ Phạm Thị L, sinh năm 1980 và có 03 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 3 năm 1996 nhập ngũ đến tháng 01 năm 1998 xuất ngũ. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 109/QĐ-XPVPHC ngày 12/02/2009, Công an huyện Q xử phạt số tiền 300.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, thi hành xong quyết định ngày 19/02/2009.

Bị cáo N bị tạm giữ từ ngày 02/10/2020 đến ngày 08/10/2020 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình.

4. **Vũ Văn T**, sinh ngày 08/3/1959 tại thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị M (đều đã chết). Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có vợ Bùi Thị M, sinh năm 1963 và có 03 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1973 tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế ở Campuchia đến tháng 4 năm 1975 xuất ngũ. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 106/QĐ-XPVPHC ngày 12/02/2009, Công an huyện Q xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, thi hành xong quyết định ngày 19/02/2009.

Bị cáo T bị tạm giữ từ ngày 02/10/2020 đến ngày 08/10/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **Lại Văn D**, sinh ngày 16/4/1965 tại Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Lại Văn S, sinh năm 1944 và bà Lại Thị T, sinh năm 1942. Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 và có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 3 năm 1984 nhập ngũ đến tháng 3 năm 1987 xuất ngũ.

Bị cáo D bị tạm giữ từ ngày 02/10/2020 đến ngày 08/10/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Bùi Thị M, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo H, H1, Nguyễn, T, D và bà M)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 02/10/2020, Nguyễn Văn H1, Đỗ Đình H, Nguyễn Văn Nguyễn, Lại Văn D lần lượt đến quán tạp hoá của anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972, ở thôn C, xã M, huyện Q, ngồi chơi uống nước. Trong lúc nói chuyện H nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền nên rủ “*nay mưa gió làm tí phỏm không, sang nhà T chơi*”. H1, D, Nguyễn đồng ý đứng dậy cùng H đi bộ đến nhà Vũ Văn T. Tới nơi, thấy cổng, cửa nhà Vũ Văn T mở nhà H2 gọi thì không có người. H, H1, D, Nguyễn đi lên phòng thờ tầng hai nhà T. Tại đây, D nhìn thấy bộ bài tú lơ khơ 52 lá để trên mặt bàn thờ nên đã cầm xuống rồi cùng với H, H1, Nguyễn ngồi quây tròn trên nền phòng thờ theo chiều quay kim đồng hồ thứ tự từ cửa vào (cầu thang lên) đầu tiên là H1 tiếp đến là D, Nguyễn, H. Lại Văn D là người chia ván bạc đầu tiên. Hình thức chơi và cách tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: D cầm bộ bài trộn rồi lần lượt chia theo chiều quay kim đồng hồ cho mỗi người chín lá bài, D được 10 lá bài. Số lá bài còn lại úp xuống chiếu để người chơi bốc (gọi là bài nọc). Người chơi nhặt các lá bài lên. Người chia được quyền đánh lá bài đầu tiên cho người ngồi liền kề bên trái. Người liền kề có thể “ăn” hoặc không “ăn” lá bài, nếu “ăn” thì lá bài này và các lá bài trên tay phải tạo thành phỏm (phỏm gồm ít nhất 03 lá bài cùng điểm, cùng chất liên tiếp như: 03 lá bài A, 04 lá bài 2, các lá bài 8,9,10, J cùng chất...) rồi đánh đi 01 lá bài cho người ngồi kế tiếp; nếu không “ăn” thì phải bốc 01 lá bài ở dưới “nọc” rồi đánh đi 01 lá bài. Trong ván bạc tại bất kỳ thời điểm nào một trong số bốn người chơi có ba phỏm thì người đó “ù”. Lúc

này, ba người chơi phải trả cho người "ù" số tiền 80.000 đồng/01 người. Nếu không có người "ù" thì khi kết thúc, người chơi phải hạ hết "phôm" rồi tính tổng số điểm các lá bài còn lại, vị trí nhất, nhì, ba, tư tỷ lệ nghịch với số điểm. Cách tính điểm các lá bài như sau: Các lá bài từ A, 2, 3... đến K tương ứng với số điểm từ 1, 2, 3.. đến 13. Số tiền người chơi xếp thứ nhì, ba, tư phải trả cho người nhất tương ứng là 20.000 đồng, 30.000 đồng, 40.000 đồng. Người về nhất được thu tất. Kết thúc ván bạc nếu ai không có phôm (cháy) thì phải trả cho người về nhất số tiền 80.000 đồng. Từ vòng bốc bài thứ tư nếu ai đánh để cho người ngồi kế tiếp "ăn" một lá bài (chốt hạ) thì phải trả số tiền 60.000 đồng cho người ăn chốt hạ. Kết thúc ván bạc, người về nhất được chia và đánh lá bài đầu tiên của lượt chơi tiếp theo. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Vũ Văn T đi chơi về nghe có tiếng người trên phòng thờ nên lên thì thấy H, H1, Nguyễn, D đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. T vào ngồi ở cạnh H1. Lúc này, D nói “*ai ù thì bỏ ra 10.000 đồng cho T*”. H, Nguyễn, H1 đồng ý. T không nói gì, ngồi xem chờ thu tiền ù. Các bị cáo đánh bạc đến 10 giờ cùng ngày thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Bản cáo trạng số: 119/CT-VKSQP ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyễn và Lại Văn D, Vũ Văn T về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyễn và Lại Văn D, Vũ Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

*Điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với từng bị cáo như sau:*

*Về hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H, N. Đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo Đỗ Đình H mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn H1 mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù. Bị cáo Nguyễn Văn N mức án tù 06 tháng đến 08 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ ngày 02/10/2020. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn T. Đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo T mức án tù 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị

cáo Lại Văn D. Đề nghị Toà án xử phạt bị cáo D từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

*Hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Đề nghị phạt tiền các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Vũ Văn T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp vào ngân sách NH nước.

*Về xử lý vật chứng:* Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a khoản 2; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu để tiêu huỷ gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá và trả lại bị cáo H1 01 chiếc ví giả da màu nâu. Tịch thu số tiền 6.460.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng đánh bạc để sung vào ngân sách NH nước.

*Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo H, D, Nguyên, H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Vũ Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

*Tại phiên tòa:* Bị cáo T khai khi về NH thấy H, H1, Nguyên, D đánh bạc tại phòng thờ do nể nang và muốn thu lợi (tiền ù) nên đã đồng ý để các bị cáo được tiếp tục đánh bạc tại gia đình; đến khi bị bắt, không ai “ù”, chưa được tiền. Bị cáo H1 khai số tiền đánh bạc để trong ví giả da là 4.500.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền còn lại trong ví để tại chỗ ngồi đánh bạc là 4.000.000 đồng. Bị cáo H khai số tiền đánh bạc là 800.000 đồng; Bị cáo Nguyên khai số tiền đánh bạc là 600.000 đồng; Bị cáo D khai số tiền đánh bạc là 560.000 đồng. Các bị cáo H1, H, Nguyên, D không xác định được chính xác số tiền thắng hoặc thua bạc, đều thừa nhận tiền thu tại vị trí ngồi đánh bạc và trong ví là tiền dùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc không ai “ù”; không có người cầm cổ tài sản, giúp sức canh coi, cảnh giới cho việc đánh bạc. Các bị cáo đều nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã công bố và không có ý kiến tranh luận gì với lời luận tội của bà Kiểm sát viên.

Bà Bùi Thị M trình bày: NH và đất ở thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà và ông T. Do sáng ngày 02/10/2020, bà đi làm ruộng nên không biết việc các bị cáo đến và đánh bạc tại gia đình bà.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng đều trình bày do nhận thức Hnh vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về Hnh vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Do đó các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2] Những chứng cứ xác định có tội:*

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 10 giờ ngày 02/10/2020 tại nH Vũ Văn T ở thôn C, xã M. Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q lập ngày 02/10/2020 tại nH ở của Vũ Văn T ở thôn C, xã M; Trích lục sơ đồ thửa đất, sơ đồ hiện trường vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập và các bị cáo tự mô tả. Lời khai của bà Bùi Thị M; Lời khai của anh Nguyễn Văn H2 (bút lục số 353 - 354);

*Như vậy có đủ cơ sở kết luận:* Trong khoảng thời gian từ 08 giờ 15 phút đến 10 giờ ngày 02/10/2020, tại nH của Vũ Văn T ở thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên và Lại Văn D đã cùng thực hiện Hình vi đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh “phỏm” bị Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền đánh bạc là 6.460.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, 01 chiếc ví giả da màu nâu, bị cáo Vũ Văn T không trực tiếp đánh bạc nhưng do nể nang và muốn thu lợi bất chính (tiền ù) nên đã cho các bị cáo đánh bạc tại phòng thờ (nH ở) thuộc quyền quản lý của mình. Hình vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh phỏm” của các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D tại nH ở của Vũ Văn T đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

***Điều 321. Tội đánh bạc***

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nH2 đã bị xử phạt vi phạm Hình chính về Hình vi này hoặc Hình vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2...*

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

[3] Xét tính chất, mức độ Hình vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác, để có tiền các bị cáo H, H1, Nguyễn, D không chịu lao động mà lại thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, dưới hình thức đánh “Phỏm” với tổng số tiền đánh bạc là 6.460.000 đồng. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý cho các bị cáo sử dụng nhà ở của mình làm nơi để đánh bạc, do đó bị cáo T cũng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo*” và “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D và Vũ Văn T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D và Vũ Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về nhân thân:* Bị cáo Đỗ Đình H đã bị 03 lần xử phạt vi phạm Hình chính về Hình vi “đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Văn H1 đã bị 01 lần xử phạt vi phạm Hình chính về Hình vi “đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Văn Nguyên đã bị 01 lần xử phạt vi phạm Hình chính về Hình vi “đánh bạc” và Vũ Văn T đã bị 01 lần xử phạt vi phạm Hình chính về Hình vi “đánh bạc”. Riêng bị cáo Lại Văn D có nhân thân tốt thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[7] *Về đồng phạm:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D và Vũ Văn T nhất thời thực hiện Hình vi phạm tội vì động cơ tư lợi. Các bị cáo đánh bạc với mức độ sát phạt không lớn. Trong đó, Đỗ Đình H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc tại gia đình bị cáo T và cùng tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền với số tiền dùng đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án (800.000 đồng) nên xếp bị cáo H ở vai trò thứ nhất. Bị cáo Nguyễn Văn H1 có số tiền tham gia đánh bạc nhiều nhất trong vụ án (4.500.000 đồng) cho nên xếp bị cáo H1 vai trò như bị cáo H. Bị cáo Nguyễn Văn Nguyên tham gia đánh bạc với số tiền là (600.000 đồng) cho nên xếp bị cáo Nguyễn Văn Nguyên ở vai trò thứ 2. Bị cáo Vũ Văn T không trực tiếp đánh bạc NH2 do nể nang và muốn thu lợi bất chính (tiền ù) nên đã cho các bị cáo đánh bạc tại phòng thờ (NH ở) thuộc quyền quản lý của mình. Do T không có tiền án, tiền sự về các Hình vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc; với số lượng 04 người, số tiền sử dụng đánh bạc dưới 20 triệu đồng nên T đồng phạm cùng các bị cáo về Hình vi đánh bạc

với vai trò của người giúp sức cùng xếp ở vị trí thứ 2. Bị cáo Lại Văn D không có tiền án, tiền sự có nhân thân tốt bị cáo D tham gia đánh bạc với số tiền (560.000 đồng) đồng phạm với vai trò người thực hành xếp ở vị trí thứ 3.

[8] Về hình phạt chính: Đề nghị của bà Kiểm sát viên về mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc tại nhà bị cáo T. Trong các năm 2005, 2010, 2012 bị cáo H đã bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, lần này bị cáo H lại phạm tội đánh bạc. Bị cáo H1 cùng tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền với số tiền dùng đánh bạc nhiều nhất trong vụ án (4.500.000 đồng), năm 2017 bị cáo H1 đã bị Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, lần này bị cáo H1 lại phạm tội đánh bạc. Do vậy, buộc các bị cáo H, H1 phải chịu mức hình phạt tù có thời hạn bằng nhau theo Điều 38 Bộ luật Hình sự như mức đề nghị của bà Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Bị cáo Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc với số tiền là 600.000 đồng, năm 2009 bị cáo Nguyễn đã bị Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, lần này bị cáo N lại phạm tội đánh bạc. Do vậy, buộc bị cáo N phải chịu mức hình phạt tù có thời hạn thấp hơn các bị cáo H, H1 theo Điều 38 Bộ luật Hình sự như mức đề nghị của bà Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Đối với bị cáo T năm 2009 đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã đủ thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, tham gia với vai trò là người giúp sức, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo Lại Văn D có số tiền tham gia đánh bạc là: 560.000 đồng, do bị cáo D phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền đối với các bị cáo D là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền các bị cáo H, H1, Nguyễn mỗi bị cáo 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và bị cáo T là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp. Đối với bị cáo D đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu để tiêu hủy gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá. Trả lại bị cáo H1 01 chiếc ví giả da màu nâu, mặt ngoài in dòng chữ Men – bense do không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu

số tiền 6.460.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng đánh bạc để sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, Lại Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Vũ Văn T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và nhất trí với lời luận tội của bà Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì. Bà Mị cũng không có ý kiến gì;

[13] Đối với bà Bùi Thị M: Sáng ngày 02/10/2020 bà Mị không có mặt ở nhà nên không biết việc các bị cáo H, D, Nguyên, H1 đánh bạc tại gia đình. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã không xử lý đối với bà Mị là đúng pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D và Vũ Văn T và bà Bùi Thị M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### *1. Về tội danh:*

Tuyên bố các bị cáo: Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, Lại Văn D và Vũ Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

### *2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:*

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Đình H **09(chín)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 02/10/2020).

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 **09(chín)** tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/10/2020).

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **06(sáu)** tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/10/2020).

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T **06(sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái

Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lại Văn D 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

3. *Hình phạt bổ sung*: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, mỗi bị cáo 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) để nộp vào ngân sách NH nước.

Phạt tiền bị cáo Vũ Văn T 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp vào ngân sách NH nước.

4. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá. Tịch thu số tiền 6.460.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng đánh bạc để sung vào ngân sách NH nước. Trả lại bị cáo H1 01 chiếc ví giả da màu nâu đã cũ, mặt ngoài in dòng chữ Men – bense (*Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Q ngày 27 tháng 11 năm 2020*).

5. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, Lại Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Vũ Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, Lại Văn D và Vũ Văn T, bà Bùi Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2021).

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Q;
- C/q Điều tra CA h.Quỳnh Phụ;
- NH tạm giữ CA h.Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h.Quỳnh Phụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Hoàng**

(*Đã ký*)

- UBND xã M;
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi... .giờ ... . ngày 12 tháng 01 năm 2021

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

**- *Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Huy Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Ngọc Tân và bà Phạm Thị Mùi

Tiến Hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2020/TLST-HS, ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Đình H**, sinh ngày 20/6/1961 tại thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;
2. **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 13/01/1980 tại thôn Tr, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;
3. **Nguyễn Văn Nguyên**, sinh ngày 27/7/1977 tại thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

4. **Vũ Văn T**, sinh ngày 08/3/1959 tại thôn C, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Ông Đặng Ngọc Tân và bà Phạm Thị Thúy Mùi

5. **Lại Văn D**, sinh ngày 16/4/1965 tại Thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH  
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

2. *Về tội danh:*

Tuyên bố các bị cáo: Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D và Vũ Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. *Về Điều luật áp dụng và hình phạt:*

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Đình H **09(chín)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 02/10/2020).

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 **09(chín)** tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/10/2020).

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nguyên **06(sáu)** tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/10/2020).

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T **06(sáu)** tháng tù nh2 cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lại Văn D 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. *Hình phạt bổ sung*: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, mỗi bị cáo 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nH nước.

Phạt tiền bị cáo Vũ Văn T 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nH nước.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá. Tịch thu số tiền 6.460.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng đánh bạc để sung vào ngân sách nH nước. Trả lại bị cáo H1 01 chiếc ví giả da màu nâu đã cũ, mặt ngoài in dòng chữ Men – bense (*Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Q ngày 27 tháng 11 năm 2020*).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Vũ Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. *Quyền kháng cáo*: Các bị cáo Đỗ Đình H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Nguyên, Lại Văn D và Vũ Văn T, bà Bùi Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2021).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 12 tháng 01 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các tHnh viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Hoàng**